TÒA ÁN NHÂN DÂN TP ĐÀ NẴNG
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 260 /2018/QĐST-HNGĐ

H, ngày 23 tháng 08 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 07 năm 2018 giữa những người yêu cầu:

- Bà **Hà Thị Thanh T** - sinh năm 1979.

Địa chỉ: K356/73/07 đường D, quận H, TP Đà Nẵng.

- Ông **Lê Thành C** - sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: K356/73/07 đường D, quận H, TP Đà Nẵng. Hiện trú tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15 tháng 08 năm 2018;

XÉT THẤY

- Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15 tháng 08 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Hà Thị Thanh T** - sinh năm 1979.

Địa chỉ: K356/73/07 đường D, quận H, TP Đà Nẵng.

- Ông **Lê Thành C** - sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: K356/73/07 đường D, quận H, TP Đà Nẵng. Hiện trú tại: Xã Đ, huyện L, tỉnh Quảng Nam.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thành C và bà Hà Thị Thanh T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Thành C và bà Hà Thị Thanh T thống nhất ông bà có một con chung tên là: Lê Hà Khánh M; sinh ngày 14/8/2008.

Ly hôn, vợ chồng thống nhất bà T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung nêu trên và ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.600.000đ cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Các bên vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung : Ông Lê Thành C và bà Hà Thị Thanh T thống nhất vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Thành C và bà Hà Thị Thanh T thống nhất vợ chồng không có nợ chung

- Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông C và bà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông bà đã nộp theo biên lai thu số 0003591 ngày 30 tháng 07 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông C và bà T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSNDQ. H.
- CCTHADSQ. H
-UBND phường T;
- Lưu hồ sơ

Hà Thị Thanh Nga